TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2019/DS-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2019/QĐST-DS ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Địa chỉ hội sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 165-167-169 đường H, phường N, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1992. Chức vụ: Nhân viên(Có mặt).

Địa chỉ: Số 89/25, đường số 59, Phường 14, quận G, Thành phố H.

Theo Văn bản ủy quyền số 323/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 08/5/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37, đường số 21, tổ 10A, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/3/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V sau đây gọi tắt là Ngân hàng Việt Nam Thịnh V) - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ngày 01/4/2014, bà Nguyễn Thị Q có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140410-104007-0009 với Ngân hàng Việt Nam Thịnh V để vay số tiền 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng), thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất 5%/tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng), tháng cuối cùng trả 1.357.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng), thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 17/5/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q chỉ trả cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V được 09 lần với tổng số tiền đã trả là 12.960.000đ (Mười hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng), kể từ ngày 17/7/2018 cho đến nay, bà Q không thanh toán thêm được cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V bất cứ khoản nào dù Ngân hàng Việt Nam Thịnh V đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà Q thanh toán nợ vay nhưng bà Q cố tình né tránh. Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 08/5/2019 bà Q có ý kiến đề nghị Ngân hàng Việt Nam Thịnh V miễn tiền lãi, còn nợ gốc bà Q sẽ trả dần, Ngân hàng Việt Nam Thịnh V chỉ có thể xem xét miễn tiền lãi cho bà Q với điều kiện bà Q phải thanh toán ½ nợ gốc cho Ngân hàng, số nợ gốc còn lại Ngân hàng Việt Nam Thịnh V sẽ xem xét cho bà Q trả dần, tuy nhiên từ tháng 5/2019 cho đến nay bà Q vẫn không trả thêm cho Ngân hàng được khoản nào.

Do bà Quân vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng Việt Nam Thịnh V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Q trả một lần số tiền nợ còn lại tổng cộng là 19.907.000đ (Mười chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng), cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 12.069.649đ;
- Nợ lãi: 7.837.351đ.

Bà Q phải thanh toán một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật. Trường hợp bà Q không tự nguyện thi hành án đúng hạn, bà Q còn phải thanh toán thêm cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước trên toàn bộ số tiền gốc còn chưa thanh toán cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/5/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Bà thừa nhận bà còn nợ Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền gốc và lãi tổng cộng là 19.907.000đ (Mười chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng), do bà bị tai nạn nên không đủ khả năng kinh tế để trả nợ cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V, bà xin Ngân hàng Việt Nam Thịnh V xem xét miễn tiền lãi, còn tiền gốc bà sẽ sắp xếp trả mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 21/3/2019, nguyên đơn là Ngân hàng Việt Nam Thịnh V yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Q thanh toán nợ gốc và lãi theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140410-104007-0009 ngày 01/4/2014, đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Q cư trú tại số 37, dường số 21, tổ 10A, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Việt Nam Thịnh V yêu cầu bà Nguyễn Thị Q thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140410-104007-0009 ngày 01/4/2014 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 19.907.000đ (Mười chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Hội đồng xét xử xét số tiền gốc Ngân hàng Việt Nam Thịnh V cho bà Q vay là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng), thời hạn vay tối đa là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q chỉ thanh toán được cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V 12.960.000đ (Mười hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng). Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Việt Nam Thịnh V cung cấp, Ngân hàng Việt Nam Thịnh V đã nhiều lần thông báo cho bà Q về việc trả nợ nhưng không thực hiện. Việc bà Q không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Việt Nam Thịnh V, vi phạm Điều 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140410-104007-0009 ngày 01/4/2014 và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này",* theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật",* do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một

bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140410-104007-0009 ngày 01/4/2014 tổng cộng là 19.907.000đ (Mười chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) của Ngân hàng Việt Nam Thịnh V là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Quân là người cao tuổi (sinh năm 1957) theo Luật người cao tuổi năm 2009 nên được miễn nộp án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 19.907.000đ (Mười chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Q chậm trả tiền thì bà Q phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Q được miễn nộp án phí;

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí là 497.675đ (Bốn trăm chín mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng)

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013888 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA